

當日市場：銀行股的停利壓力增加

2020/01/13

市場走勢

市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	965.84	102.30	55.64
%日	-0.42%	0.08%	0.16%
%週	0.35%	-0.17%	-1.92%
%月	0.86%	0.18%	0.36%
%年	7.82%	0.43%	4.77%

成交值(十億盾)

當日	2,496	277	357
日均量/週	3,804	345	205
日均量/月	4,061	391	235

外資進出

買進	0.00	0.97	17.71
賣出	0.00	4.10	20.73
買賣超	0.00	-3.13	-3.03

市場漲跌家數

上漲	112	47	160
下跌	177	62	87
持平	101	262	656

市場指標

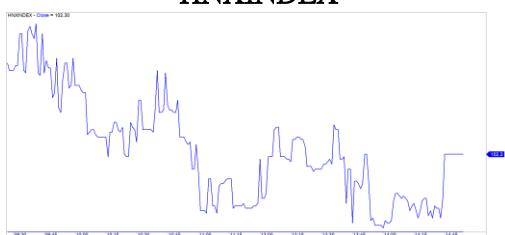
P/E	15.85	8.96	16.52
總市值 (兆盾)	3,319	190	908
股息殖利率	2.34%	4.66%	4.23%

資料源: Bloomberg - YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



市場走勢

在連續兩盤強勁上漲後，越南股市指數有所停滯，並略有下跌。具體，VN-Index 收盤微跌 0.28%，收於 965.84 點。HNX-Index 微漲 0.08%，收於 102.3 點，Upcom-Index 也微漲 0.16%。三大市場的交易價值急劇減少至 2 兆 2500 億越南盾。

VHM 是該指數最顯著的支撐，上漲了 2.1%，收於 86,300 越南盾。相反，銀行股進行了修正，但只有 BID (-2.3%)，VPB (-2.1%)，CTG (-1.5%) 是出現了大幅下跌。盤終，VNM 下跌了 1.3%，收於 117,400 越南盾，但該股仍處於 115,000-117,000 越南盾的累積區。

市場的心態為謹慎，因 VN 指數有 208 檔股下跌和 120 檔上漲，表明市場寬度為負。其中，DLG (-6.7%)，VRC (-6.9%)，DIC (-6.8%) 等仙股被強勁拋售。房地產股出現分歧，因 NLG，LDG，DXG 上漲，而 SCR，FLC，PDR，TDH 等均修正。

外資交易相當平衡，僅賣超超過 60 億越南盾。主要拋售 NLG (232 億)，CTG (92 億)。相反主要購買 HPG (236 億)，E1VFN30 (219 億)。

市場觀點

我們認為，市場可能在下一盤繼續修正，並在接近尾盤時逐步恢復，主要是來自銀行股的帶領。同時，我們評估銀行股僅在之前的長期上漲後才出現短期的修正，並且這些股票的風險仍然很低，因此這些股票很難會強勁修正。但是，我們觀察到現金流量並未分散到其他類股，因此我們仍然擔心這趨勢的可持續性。

我們的趨勢指標系統維持 VN-Index 的短期上漲趨勢，支撐位在 951.22 點，和 HNX-Index 的短期相當趨勢，阻力位在 103.02 點。因此，我們建議短期投資者在接下來的幾盤繼續觀察市場。只應對大型股進行低比例購買新股。

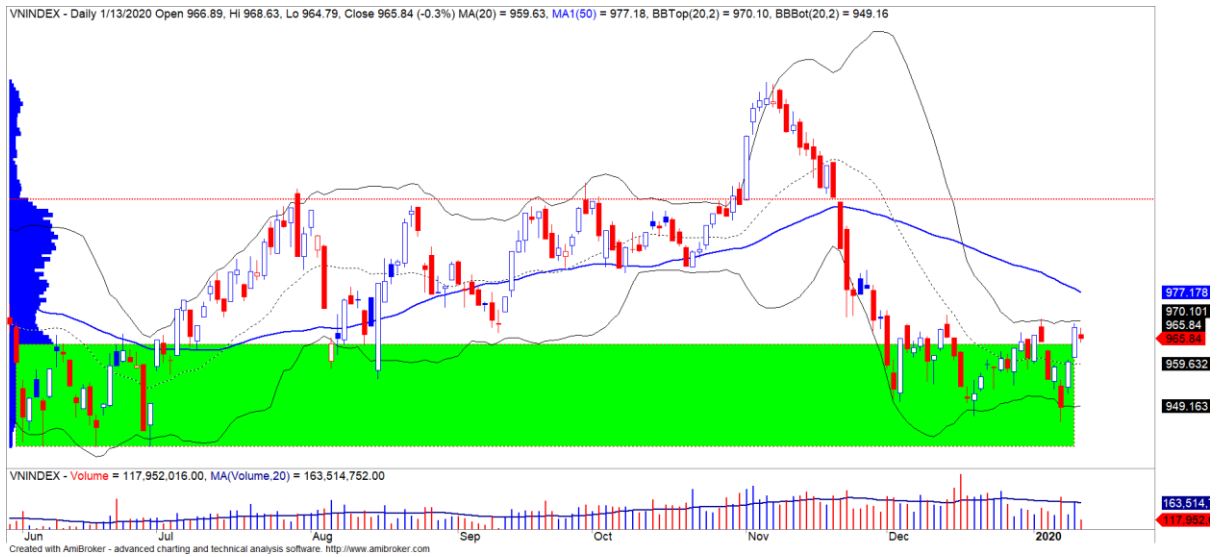
建議短線投資比重：34%股票/66%現金。

(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)

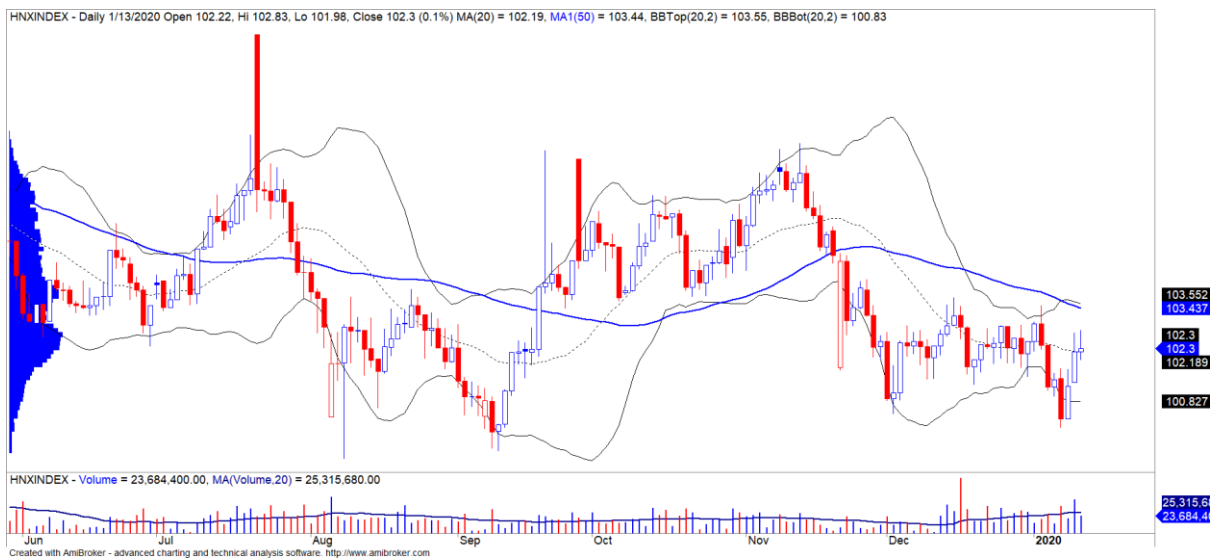


We Create Fortune

技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	上漲	下跌	997	1,000	988	953
HNX-Index	下跌	下跌	106	108	99	90
VN30	下跌	下跌	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	下跌	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	下跌	835	845	822	804

We Create Fortune

股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	12.00	GIẢM	GIẢM		12.75				14.25		
ACB	22.90	GIẢM	TĂNG		22.92			24.00	22.57	-4.58%	
ACV	72.00	GIẢM	GIẢM		74.96				78.74		
ANV	21.40	GIẢM	GIẢM	22.80	21.77	-4.54%	BÁN		24.61		
ASM	6.19	GIẢM	GIẢM		6.84				7.24		
BFC	11.45	GIẢM	GIẢM		12.00				13.25		
BID	50.10	TĂNG	TĂNG	41.90	47.96	19.57%		33.40	22.24	50.00%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		46.38				50.95		
BSR	7.50	GIẢM	GIẢM		8.34				9.54		
BVH	66.70	GIẢM	GIẢM		69.33				73.44		
BWE	22.40	GIẢM	GIẢM		23.27				24.77		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.33				9.80		
CII	23.75	GIẢM	GIẢM		23.89				24.76		
CMG	34.85	GIẢM	GIẢM		37.17			23.20	34.96	50.68%	
CMX	11.80	GIẢM	GIẢM		13.90				19.34		
CSM	13.80	TĂNG	GIẢM	14.30	13.59	-3.50%			14.75		
CTD	49.70	GIẢM	GIẢM		52.80				63.74		
CTG	23.20	TĂNG	TĂNG	20.60	22.02	12.62%		23.55	21.78	-1.49%	MUA
CTR	40.80	GIẢM	N/A		42.55			-	N/A		
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.66		
DCM	6.00	GIẢM	GIẢM		6.19				7.00		
DGC	24.10	GIẢM	GIẢM		25.14				27.56		
DGW	23.65	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	1.72%			24.94		
DHA	31.65	TĂNG	GIẢM	31.85	29.33	-0.63%			32.52		
DHC	36.90	GIẢM	TĂNG		38.32			37.70	36.02	-2.12%	
DHG	87.10	GIẢM	GIẢM		90.90				98.80		
DIG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.89				14.69		
DPG	35.00	GIẢM	GIẢM		39.70				47.82		
DPM	12.90	GIẢM	GIẢM		13.00				14.36		
DPR	40.20	TĂNG	TĂNG	40.50	38.30	-0.74%		41.30	35.60	-2.66%	
DQC	16.00	TĂNG	GIẢM	16.20	15.62	-1.23%			17.29		
DRC	24.70	TĂNG	TĂNG	24.10	23.77	2.49%		21.60	21.45	14.35%	
DXG	13.55	GIẢM	GIẢM		14.29				16.12		
EIB	18.00	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	1.12%		18.40	16.46	-2.17%	

We Create Fortune

FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35			11.21		
FMC	25.90	GIẢM	TĂNG		26.74			31.60	25.00	-18.04%
FPT	57.10	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	0.18%		46.00	54.99	24.13%
GAS	95.30	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-2.56%		103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-3.90%		20.84		
GIL	16.60	GIẢM	GIẢM		17.69			19.38		
GMD	21.50	GIẢM	GIẢM		22.32			25.16		
GTN	18.30	GIẢM	GIẢM		19.99			21.72		
GVR	11.30	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-3.42%		N/A		
HAG	4.00	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	3.63%		4.22		
HAX	14.35	GIẢM	GIẢM		15.57			19.51		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.62	6.54%		12.34		
HCM	21.45	GIẢM	GIẢM		21.67			23.78		
HDB	27.90	TĂNG	GIẢM	27.55	26.74	1.27%		29.24		
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG		24.47			15.25	21.08	44.26%
HDG	29.40	GIẢM	GIẢM		31.13			33.28		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53			15.49		
HPG	24.25	TĂNG	TĂNG	24.00	23.29	1.04%		23.85	22.11	1.68%
HSG	7.94	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	2.45%
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-13.02%
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.50			2.71		
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		33.92			36.93		
KBC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.33%		15.35	14.00	-0.33%
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	6.67%
KSB	15.50	GIẢM	GIẢM		16.61			19.42		
LCG	7.41	GIẢM	GIẢM		7.96			8.76		
LDG	7.78	GIẢM	GIẢM		8.38			10.08		
LHG	15.85	GIẢM	GIẢM		16.19			16.89		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%		8.05		
MBB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.52			22.70		
MPC	23.90	TĂNG	TĂNG	20.10	22.71	18.91%		24.10	23.55	-0.83%
MSN	57.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.89	-0.87%		63.22		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	14.40	14.77	4.17%		16.05		
MWG	114.50	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	0.97%		122.49		
NDN	15.30	GIẢM	GIẢM		16.84			13.70	16.31	19.04%
NKG	8.75	TĂNG	TĂNG	7.38	8.20	18.56%		7.11	6.39	23.07%
NLG	27.05	TĂNG	TĂNG	27.05	27.00	0.00%	MUA	28.70	26.30	-5.75%
NT2	18.40	GIẢM	GIẢM		20.13			22.16		
NTL	23.00	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-4.96%

We Create Fortune

NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.64				60.29		
OIL	7.90	GIẢM	GIẢM		8.52				9.54		
PAC	24.80	GIẢM	GIẢM		25.43				27.41		
PC1	17.85	TĂNG	GIẢM	17.85	17.82	0.00%	MUA		19.78		
PDR	24.65	GIẢM	GIẢM		26.21			29.00	25.19	-13.13%	
PHR	38.35	GIẢM	GIẢM		41.49				47.71		
PLX	55.90	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.10%			60.01		
PNJ	89.00	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	5.08%		77.07	80.07	15.48%	
POW	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				12.94		
PVT	15.50	GIẢM	GIẢM		16.37			17.53	16.28	-7.15%	BÁN
PPC	25.10	GIẢM	TĂNG		26.85			28.40	24.39	-11.62%	
PTB	67.70	GIẢM	GIẢM		70.27			64.00	68.51	7.04%	BÁN
PVB	17.40	GIẢM	GIẢM		18.45				20.32		
PVD	14.95	GIẢM	GIẢM	15.85	15.11	-4.68%	BÁN		16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.86	-0.93%			33.18		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM	17.80	18.17	2.10%	BÁN		19.30		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.78	5.40	-1.38%		6.20	4.88	-8.06%	
QNS	27.10	GIẢM	GIẢM		27.53				29.44		
REE	35.75	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.25%		33.33	35.23	7.28%	
SAB	233.90	TĂNG	GIẢM	233.50	222.93	0.17%			248.37		
SAM	8.93	TĂNG	TĂNG	8.15	8.62	9.57%		7.40	7.61	20.68%	
SCR	5.33	GIẢM	TĂNG		5.88			6.33	5.26	-15.80%	
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			6.99	8.30	28.61%	
SJS	16.70	TĂNG	TĂNG	17.00	15.99	-1.76%		17.00	14.40	-1.76%	
SKG	11.85	GIẢM	TĂNG		12.85			12.30	11.66	-3.66%	
SSI	18.30	GIẢM	GIẢM		18.51				20.12		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.50	9.94	-0.95%			10.80		
TCB	22.95	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TCM	21.40	TĂNG	GIẢM	20.95	20.08	2.15%			21.83		
TDH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-3.81%			11.10		
TLH	4.04	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.49%		4.48	3.49	-9.82%	
TNG	15.40	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	1.99%			16.69		
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		90.82			62.00	83.93	44.19%	
VCG	25.60	GIẢM	TĂNG		25.66			19.20	25.28	33.33%	
VCS	65.00	GIẢM	GIẢM		72.44				87.65		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.00	TĂNG	GIẢM	40.60	38.96	-1.48%			41.92		
VHM	86.30	TĂNG	GIẢM	86.30	86.02	0.00%	MUA		92.59		

We Create Fortune

VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			17.70	16.56	-2.26%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.59%	
VIP	4.99	GIẢM	GIẢM		5.09				5.29		
VJC	146.50	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	139.40	17.67%	
VND	14.30	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.42%			14.88		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VNM	117.40	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	20.60	TĂNG	GIẢM	20.00	20.13	3.00%			21.28		
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.32	-0.47%		41.30	39.78	2.30%	
VRC	9.54	GIẢM	GIẢM		12.12				20.36		
VRE	33.75	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.71%	
VSC	27.35	TĂNG	TĂNG	25.45	26.40	7.47%		27.00	24.46	1.30%	

LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	22.90	GIẢM	TĂNG		22.92			24.00	22.57	-4.58%	
BID	50.10	TĂNG	TĂNG	41.90	47.96	19.57%		33.40	42.78	50.00%	
BSR	7.50	GIẢM	GIẢM		8.34				9.54		
BVH	66.70	GIẢM	GIẢM		69.33				73.44		
CTG	23.20	TĂNG	TĂNG	20.60	22.02	12.62%		23.55	21.78	-1.49%	MUA
FPT	57.10	TĂNG	TĂNG	57.00	56.51	0.18%		40.23	54.99	41.95%	
GAS	95.30	TĂNG	GIẢM	97.80	94.48	-2.56%			103.52		
GEX	19.70	TĂNG	GIẢM	20.50	18.92	-3.90%			20.84		
GVR	11.30	TĂNG	N/A	11.70	10.59	-3.42%			N/A		
HDB	27.90	TĂNG	GIẢM	27.55	26.74	1.27%			29.24		
HNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.53				15.49		
HPG	24.25	TĂNG	TĂNG	24.00	23.29	1.04%		23.85	22.11	1.68%	
HVN	32.60	GIẢM	GIẢM		33.92				36.93		
KDH	25.60	GIẢM	TĂNG		26.34			24.00	24.98	6.67%	
MBB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	57.00	TĂNG	GIẢM	57.50	53.89	-0.87%			63.22		
MWG	114.50	TĂNG	GIẢM	113.40	112.38	0.97%			122.49		
NVL	55.00	GIẢM	GIẢM		57.64				60.29		
OIL	7.90	GIẢM	GIẢM		8.52				9.54		
PLX	55.90	TĂNG	GIẢM	57.10	55.54	-2.10%			60.01		
PNJ	89.00	TĂNG	TĂNG	84.70	84.36	5.08%		77.07	80.07	15.48%	

We Create Fortune

POW	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				12.94		
QNS	27.10	GIẢM	GIẢM		27.53				29.44		
REE	35.75	TĂNG	TĂNG	36.95	35.52	-3.25%		33.33	35.23	7.28%	
ROS	11.30	GIẢM	GIẢM		15.01				20.44		
SBT	18.70	TĂNG	TĂNG	18.60	18.10	0.54%		17.50	17.46	6.86%	
SSI	18.30	GIẢM	GIẢM		18.51				20.12		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.50	9.94	-0.95%			10.80		
TCB	22.95	GIẢM	GIẢM		23.62				24.80		
TPB	21.55	TĂNG	GIẢM	21.55	21.51	0.00%	MUA		23.94		
VCB	89.40	GIẢM	TĂNG		90.82			62.00	83.93	44.19%	
VCG	25.60	GIẢM	TĂNG		25.66			18.44	25.28	38.82%	
VCS	65.00	GIẢM	GIẢM		72.44				87.65		
VEA	44.90	TĂNG	GIẢM	45.50	42.37	-1.32%			59.45		
VGI	22.70	GIẢM	N/A		24.85				N/A		
VHM	86.30	TĂNG	GIẢM	86.30	86.02	0.00%	MUA		92.59		
VIB	17.30	GIẢM	TĂNG		17.62			15.00	16.56	15.30%	
VIC	114.90	GIẢM	TĂNG		116.48			112.00	113.76	2.59%	
VJC	146.50	GIẢM	TĂNG		147.24			124.50	139.40	17.67%	
VNM	117.40	GIẢM	GIẢM		120.32				126.45		
VPB	20.60	TĂNG	GIẢM	20.00	20.13	3.00%			21.28		
VRE	33.75	GIẢM	TĂNG		34.57			35.05	32.08	-3.71%	

MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	12.00	GIẢM	GIẢM		12.75				14.25		
ANV	21.40	GIẢM	GIẢM	22.80	21.77	-4.54%	BÁN		24.61		
ASM	6.19	GIẢM	GIẢM		6.84				7.24		
BMI	25.80	TĂNG	TĂNG	25.65	24.39	0.58%		26.70	23.99	-3.37%	
BMP	45.00	GIẢM	GIẢM		46.38				50.95		
BWE	22.40	GIẢM	GIẢM		23.27				24.77		
CEO	8.70	GIẢM	GIẢM		9.33				9.80		
CII	23.75	GIẢM	GIẢM		23.89				24.76		
CRE	24.80	TĂNG	TĂNG	24.20	24.13	2.48%		25.00	23.65	-0.80%	
CTI	21.60	TĂNG	GIẢM	21.80	21.07	-0.92%			23.07		
CTR	40.80	GIẢM	GIẢM		42.55				48.02		



We Create Fortune

D2D	66.60	GIẢM	GIẢM		72.41			83.10	73.17	-11.95%	BÁN
DBD	53.70	GIẢM	GIẢM		56.69			38.65	54.36	40.64%	BÁN
DCM	6.00	GIẢM	GIẢM		6.19				7.00		
DGW	23.65	TĂNG	GIẢM	23.25	21.97	1.72%			24.94		
DHC	36.90	GIẢM	TĂNG		38.32			37.70	36.02	-2.12%	
DIG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.89				14.69		
DPG	35.00	GIẢM	GIẢM		39.70				47.82		
DPM	12.90	GIẢM	GIẢM		13.00				14.36		
DRC	24.70	TĂNG	TĂNG	24.10	23.77	2.49%		21.60	21.45	14.35%	
DXG	13.55	GIẢM	GIẢM		14.29				16.12		
E1VFN30	14.70	TĂNG	GIẢM	14.76	14.42	-0.41%			15.42		
FCN	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
FLC	4.04	GIẢM	TĂNG		4.67			4.63	4.02	-12.74%	
GEG	26.00	GIẢM	TĂNG		27.19			12.50	25.77	107.96%	
GMD	21.50	GIẢM	GIẢM		22.32				25.16		
GTN	18.30	GIẢM	GIẢM		19.99				21.72		
HAG	4.00	TĂNG	GIẢM	3.86	3.89	3.63%			4.22		
HBC	11.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.62	6.54%			12.34		
HCM	21.45	GIẢM	GIẢM		21.67				23.78		
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG		24.47			15.25	21.08	44.26%	
HDG	29.40	GIẢM	GIẢM		31.13				33.28		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-4.00%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.94	GIẢM	TĂNG		8.30			7.75	7.30	2.45%	
HT1	14.70	GIẢM	TĂNG		14.96			16.90	13.91	-13.02%	
HTM	21.10	TĂNG	TĂNG	16.00	18.11	31.88%		20.00	18.47	5.50%	MUA
IBC	20.20	GIẢM	GIẢM		20.60				21.22		
IDI	4.95	GIẢM	GIẢM		5.21				5.87		
IJC	15.10	GIẢM	TĂNG		16.02			13.10	14.05	15.27%	
ITA	2.64	GIẢM	GIẢM	2.87	2.65	-7.70%	BÁN		3.09		
KBC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.71	0.33%		14.85	14.00	3.05%	
KDC	19.35	TĂNG	TĂNG	19.50	18.52	-0.77%		20.82	18.08	-7.04%	
KOS	28.50	TĂNG	TĂNG	26.80	27.17	6.34%		26.30	25.30	8.37%	
KSB	15.50	GIẢM	GIẢM		16.61				19.42		
LDG	7.78	GIẢM	GIẢM		8.38				10.08		
LPB	7.60	TĂNG	GIẢM	7.60	7.40	0.00%			8.05		
MBG	15.50	GIẢM	GIẢM		21.00				37.20		
MBS	14.50	TĂNG	GIẢM	14.70	14.18	-1.36%			15.75		
MPC	23.90	TĂNG	TĂNG	20.10	22.71	18.91%		24.10	23.55	-0.83%	MUA

We Create Fortune

NBB	20.40	GIẢM	GIẢM		20.91				22.02		
NKG	8.75	TĂNG	TĂNG	7.38	8.20	18.56%		7.11	6.39	23.07%	
NLG	27.05	TĂNG	TĂNG	27.05	27.00	0.00%	MUA	26.28	26.30	2.93%	
NT2	18.40	GIẢM	GIẢM		20.13				22.16		
NTL	23.00	GIẢM	TĂNG		23.08			24.20	21.14	-4.96%	
NVB	9.20	GIẢM	TĂNG		9.79			8.50	8.62	8.24%	
OGC	3.53	GIẢM	GIẢM		3.67				3.92		
PC1	17.85	TĂNG	GIẢM	17.85	17.82	0.00%	MUA		19.78		
PDR	24.65	GIẢM	GIẢM		26.21			23.59	25.19	6.76%	
PHR	38.35	GIẢM	GIẢM		41.49				47.71		
PPC	25.10	GIẢM	TĂNG		26.85			28.40	24.39	-11.62%	
PTB	67.70	GIẢM	GIẢM		70.27			60.78	68.51	12.71%	BÁN
PVD	14.95	GIẢM	GIẢM	15.85	15.11	-4.68%	BÁN		16.61		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.86	-0.93%			33.18		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM	17.80	18.17	2.10%	BÁN		19.30		
PVT	15.50	GIẢM	GIẢM		16.37			17.31	16.28	-5.94%	BÁN
QCG	3.65	GIẢM	GIẢM		3.89				4.55		
SCR	5.33	GIẢM	TĂNG		5.88			6.33	5.26	-15.80%	
SGP	6.80	GIẢM	GIẢM		7.28				8.96		
SHB	7.20	TĂNG	TĂNG	6.40	6.34	12.50%		7.10	6.72	1.41%	MUA
SHS	7.60	GIẢM	TĂNG		7.81			8.40	7.36	-9.52%	
SZC	15.50	GIẢM	GIẢM		18.09				19.60		
TCH	34.90	TĂNG	TĂNG	30.05	33.11	16.14%		26.15	28.82	33.46%	
TCM	21.40	TĂNG	GIẢM	20.95	20.08	2.15%			21.83		
TDH	10.10	TĂNG	GIẢM	10.50	10.03	-3.81%			11.10		
TNG	15.40	TĂNG	GIẢM	15.10	15.00	1.99%			16.69		
TTB	3.85	GIẢM	GIẢM		4.44				7.33		
VGC	18.00	TĂNG	GIẢM	18.40	17.72	-2.17%			19.23		
VGT	8.20	TĂNG	GIẢM	8.90	7.96	-7.87%			8.95		
VHC	40.00	TĂNG	GIẢM	40.60	38.96	-1.48%			41.92		
VND	14.30	TĂNG	GIẢM	14.10	13.93	1.42%			14.88		
VNG	19.60	GIẢM	GIẢM		19.73				20.99		
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.32	-0.47%		41.30	39.78	2.30%	

We Create Fortune

SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	8.80	TĂNG	GIẢM	8.30	8.15	6.02%		9.00	8.97	-0.29%	MUA
AGR	3.25	GIẢM	GIẢM	3.59	3.35	-6.70%	BÁN		3.93		
AMD	1.71	GIẢM	GIẢM		2.24				2.66		
APG	9.80	TĂNG	TĂNG	8.76	9.49	11.87%		9.90	8.56	-1.01%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.83			2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.15	GIẢM	GIẢM		7.10				8.95		
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.70	GIẢM	GIẢM		8.47				14.17		
CCL	7.12	GIẢM	TĂNG		8.18			7.88	6.27	-9.64%	
CVT	20.20	GIẢM	GIẢM		20.69				22.66		
DAH	8.23	GIẢM	GIẢM		9.77				11.27		
DLG	2.10	TĂNG	TĂNG	1.80	2.09	16.67%		1.71	1.69	22.81%	
DRH	3.14	GIẢM	GIẢM		3.64				5.31		
DTD	10.20	GIẢM	GIẢM		11.05				12.54		
EVG	2.50	GIẢM	GIẢM		2.62				2.90		
FIT	9.25	GIẢM	TĂNG		10.05			3.64	8.91	154.12%	
FTM	1.97	GIẢM	GIẢM		2.19				3.76		
FUESS V50	12.70	GIẢM	GIẢM		12.73				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.83	3.33%		14.90	14.41	4.03%	
HAH	11.30	GIẢM	GIẢM		11.72				13.25		
HAI	2.50	GIẢM	GIẢM		3.31				3.93		
HAR	3.13	GIẢM	GIẢM		3.63				4.96		
HDA	9.50	GIẢM	GIẢM		10.07				11.26		
HHP	12.30	TĂNG	GIẢM	12.20	11.66	0.82%			13.13		
HHS	3.02	GIẢM	TĂNG		3.30			3.36	2.97	-10.12%	
HID	2.29	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.97%		2.63	2.16	-12.93%	
HII	9.29	GIẢM	GIẢM		9.56				10.75		
HQC	1.04	GIẢM	GIẢM		1.20			1.16	1.08	-6.84%	BÁN
HSL	7.44	GIẢM	GIẢM		7.74				8.67		
HUT	2.20	GIẢM	GIẢM		2.50				2.71		
HVG	8.80	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	12.53%		3.90	6.94	125.64%	
HVH	14.55	TĂNG	GIẢM	15.85	13.95	-8.20%			18.30		
IDJ	7.30	TĂNG	TĂNG	6.90	6.53	5.80%		7.20	5.42	1.39%	
JVC	3.44	GIẢM	GIẢM		3.66				4.21		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.78			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	7.41	GIẢM	GIẢM		7.96				8.76		
LGL	7.60	GIẢM	GIẢM		8.25				8.86		
LHG	15.85	GIẢM	GIẢM		16.19				16.89		
LMH	4.81	GIẢM	GIẢM		6.20				10.81		
MST	5.30	GIẢM	TĂNG		5.40			3.40	4.23	55.88%	
NDN	15.30	GIẢM	GIẢM		16.84			13.10	16.31	24.46%	BÁN
PHC	10.75	GIẢM	GIẢM	11.30	11.41	1.00%	BÁN		11.99		
PLP	9.60	GIẢM	GIẢM		10.10				11.14		
PVB	17.40	GIẢM	GIẢM		18.45				20.32		
PVC	6.70	TĂNG	TĂNG	7.00	6.69	-4.29%		6.70	6.66	0.00%	
PVX	1.10	GIẢM	GIẢM		1.32				1.45		
PXL	7.70	GIẢM	TĂNG	8.40	7.88	-6.23%	BÁN	6.70	6.64	14.93%	
SHI	8.99	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	55.94%	
SJF	1.80	GIẢM	GIẢM		2.05				2.63		
SPP	1.80	GIẢM	GIẢM		2.09				2.60		
TDC	8.65	TĂNG	GIẢM	8.75	8.26	-1.14%			9.04		
TIG	6.10	GIẢM	TĂNG		7.05			3.20	5.54	90.63%	
TLH	4.04	TĂNG	TĂNG	4.06	3.77	-0.49%		4.48	3.49	-9.82%	
TNA	19.00	GIẢM	GIẢM		21.31				24.95		
TNI	10.10	GIẢM	TĂNG		10.75			10.90	9.99	-7.34%	
TSC	2.75	GIẢM	GIẢM		3.11				3.45		
TTF	2.55	GIẢM	GIẢM		2.74				3.03		
TTH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.63				2.93		
TVC	20.40	TĂNG	TĂNG	16.90	18.72	20.71%		14.30	15.80	42.66%	
VC3	17.20	TĂNG	TĂNG	17.00	16.65	1.18%		22.00	16.32	-21.82%	
VCR	10.10	GIẢM	GIẢM		11.71				16.37		
VNA	2.70	GIẢM	GIẢM		3.30				4.40		
VNE	3.67	GIẢM	GIẢM		3.78				3.70		
VRC	9.54	GIẢM	GIẢM		12.12				20.36		

We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	965.84	-0.42%
VN30	881.79	-0.42%
VN Mid	920.15	-0.25%
VN Small	746.2	-0.66%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	102.3	0.08%
HN30	179.71	-0.44%
VNX AllSh	845.16	-0.31%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	55.64	0.16%

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	0	
賣出	0	
買超/賣超	0	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	0.97	
賣出	4.10	
買超/賣超	-3.13	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	17.71	
賣出	20.73	
買超/賣超	-3.03	

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
FIR	1737	5.78%
SCS	5800	4.64%
NLG	750	2.85%
KSB	400	2.65%
TVB	350	2.57%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
TVC	400	2.00%
SHB	100	1.41%
ACB	200	0.88%
DGC	100	0.42%
HHC	0	0.00%

上漲排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
VSF	800	7.92%
VTR	3400	6.85%
HTM	1300	6.57%
VIB	300	1.76%
ACV	900	1.27%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
ROS	-850	-7.00%
SMB	-2500	-6.98%
TRC	-2250	-6.83%
DLG	-150	-6.67%
SZC	-650	-4.02%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
L14	-3700	-6.17%
TIG	-300	-4.69%
HUT	-100	-4.35%
CEO	-200	-2.25%
PVS	-400	-2.17%

下跌排名/股碼	漲跌(VND)	漲跌%
PXL	-300	-3.75%
BSR	-200	-2.60%
MPC	-400	-1.65%
CTR	-400	-0.97%
LPB	0	0.00%

*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	388,641
VCB	331,574
VHM	283,885
VNM	204,438
BID	201,503

市值排名/股碼	十億盾
ACB	37,934
VCG	11,308
VCS	10,400
SHB	8,662
PVS	8,603

市值排名/股碼	十億盾
ACV	154,872
VEA	59,670
MCH	49,400
GVR	44,980
BCM	29,191

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
DLG	12,821,760	10,447,989
FLC	6,896,010	10,066,373
CTG	5,347,470	3,644,090
VPB	4,495,670	1,780,549
HPG	4,456,520	5,396,903

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
SHB	6,838,680	3,400,122
NVB	2,708,300	1,387,763
KLF	2,643,641	3,100,967
PVS	2,144,812	1,689,654
ACB	1,523,357	1,217,378

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
VSF	20,849,064	2,238
BSR	2,759,130	1,648,969
EPC	1,500,000	0
TRT	1,478,492	9
VIB	527,921	333,700

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

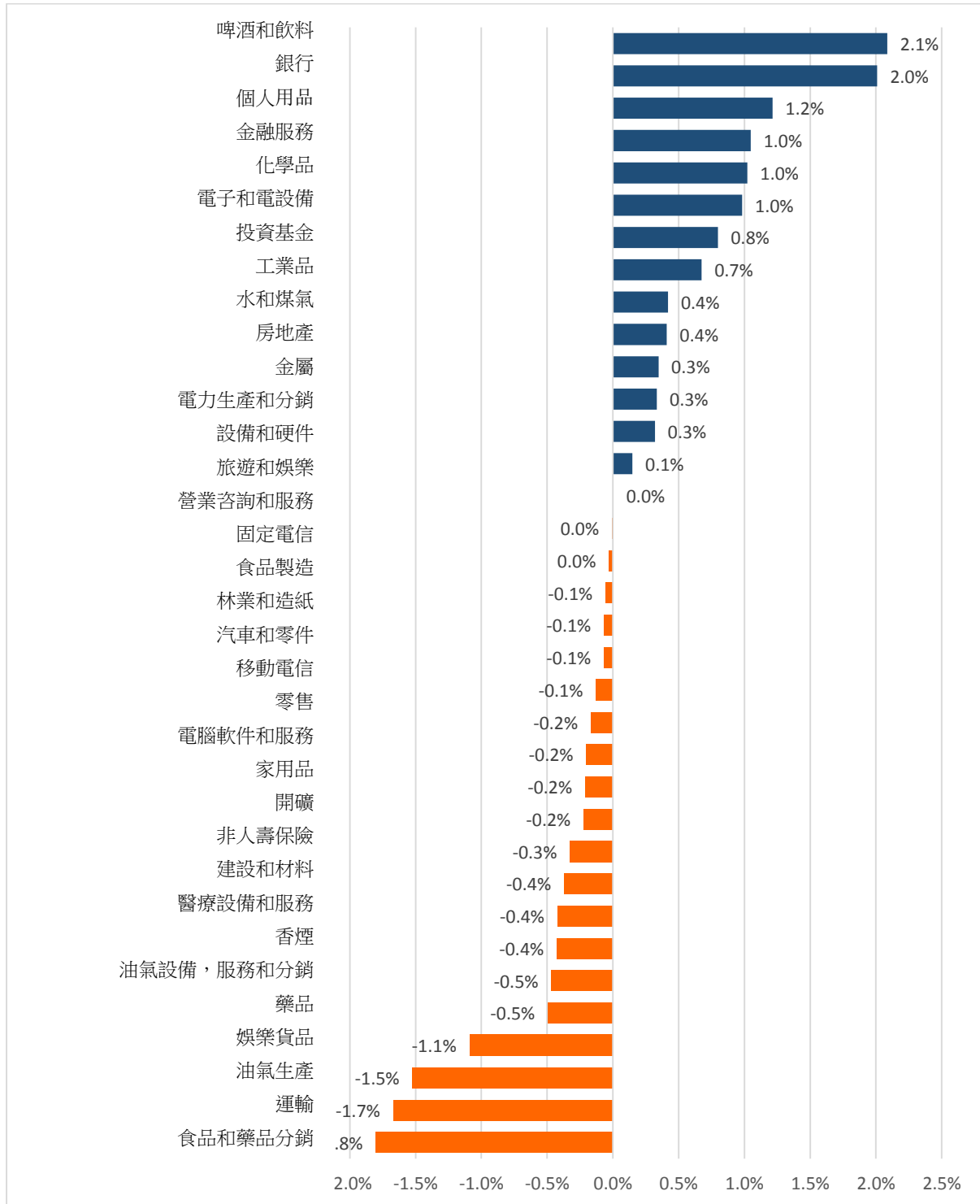
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

各行業板塊的交易走勢



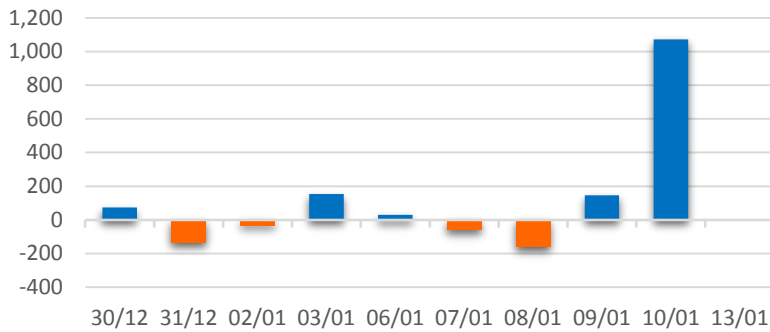
資料源: FiinPro - YSVN



We Create Fortune

外資買進賣統計

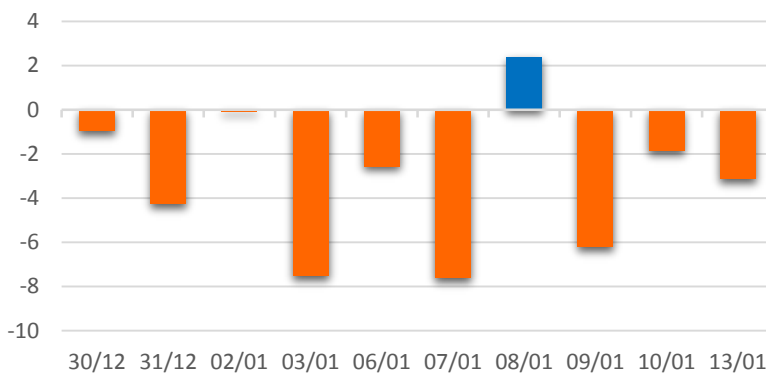
HSX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
HPG	23,618	NLG	23,218
E1VFN30	21,972	CTG	9,237
VHM	15,731	VNM	5,928
MSN	11,492	PVD	2,488
VIC	7,898	ANV	1,674

HSX 外資買/賣超的前 5 名

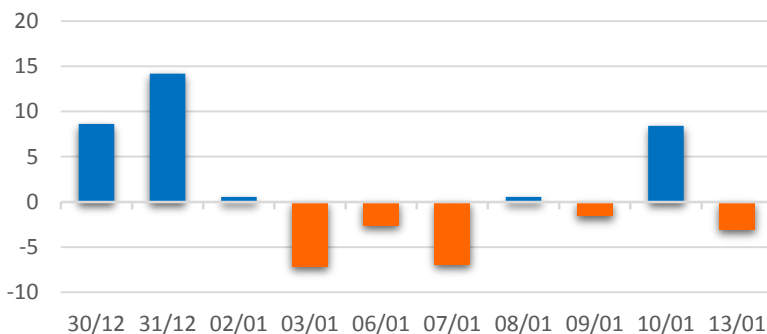
HNX 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
NBC	136	PVS	1,932
SHS	109	VCG	760
BVS	100	SCI	295
VCS	99	WCS	214
SHB	87	TTZ	170

HNX 外資買/賣超的前 5 名

UPCOM 外資每日買/賣超



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
VEA	1,014	BSR	5,901
QNS	911	MCH	136
LTG	205	ACV	45
TTD	196	GVR	44
BCM	191	IFS	13

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro - YSVN



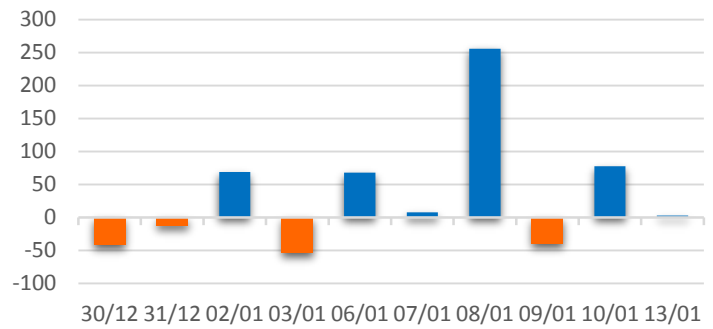
We Create Fortune

自營進出統計

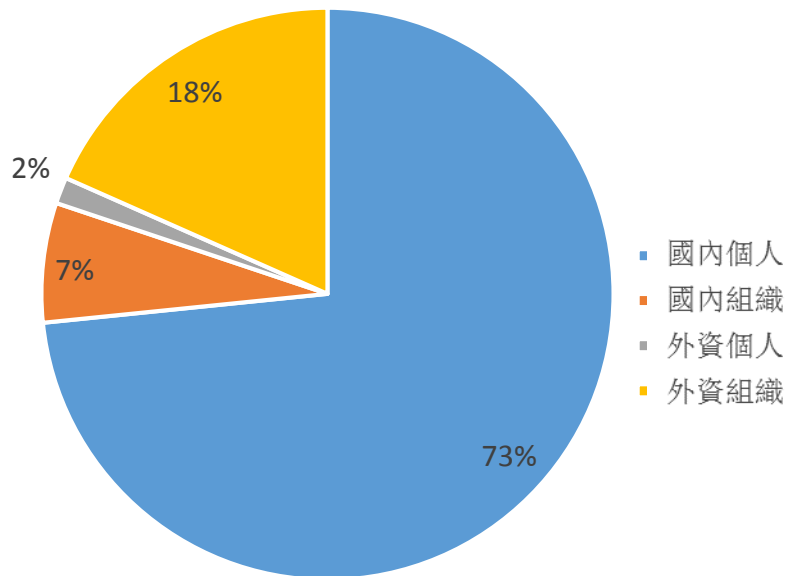
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
NLG	23,218	E1VFN30	22,559
FPT	3,312	MBB	3,032
MBB	2,702	VNM	2,664
VHM	2,469	FPT	2,478
POW	2,209	REE	1,631

券商自營交易最大前名

券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



越南證券市場投資人類別統計

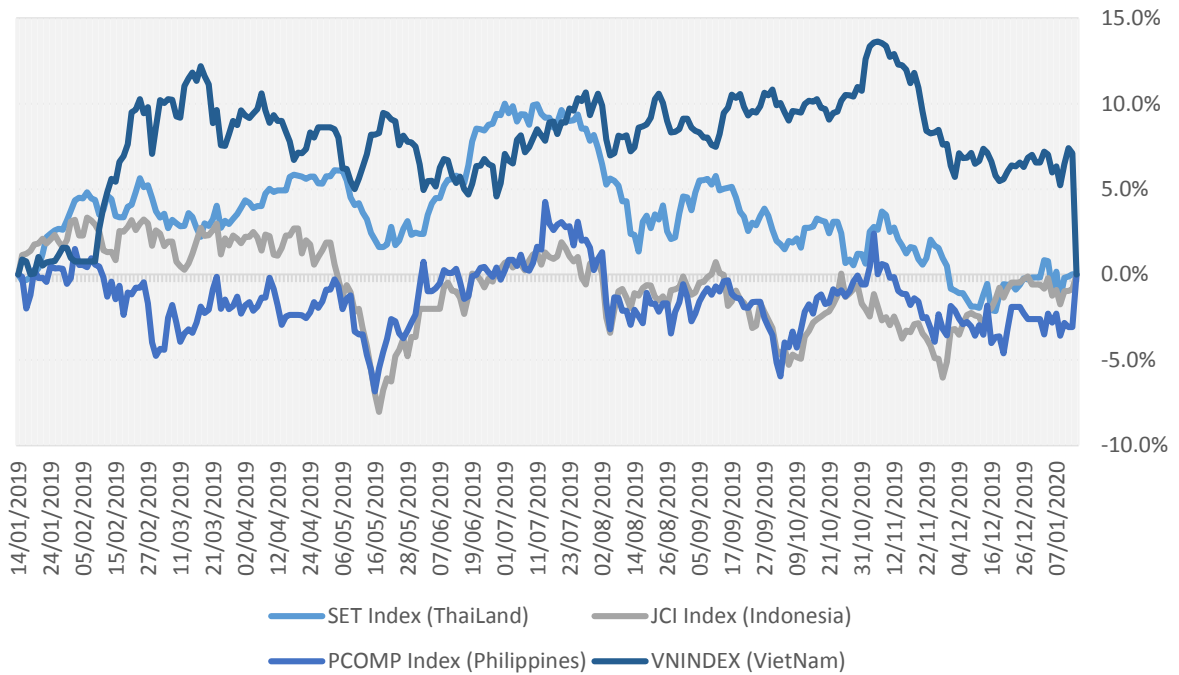


資料源: FiiPro - YSVN



We Create Fortune

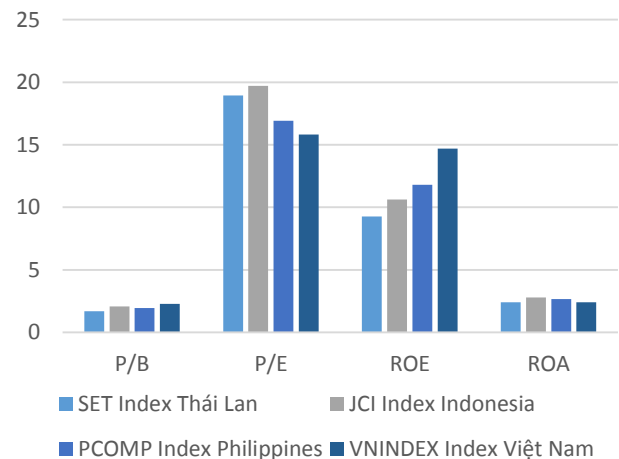
東南亞主要市場走勢比較



東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.7x	2.1x	2.0x	2.3x
P/E		19.0x	19.7x	16.9x	15.9x
ROE	%	9.28	10.61	11.79	14.70
ROA	%	2.41	2.80	2.66	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	553.14	530.83	191.42	142.92
GTGD	Triệu USD	1.45	0.37	0.09	0.13
LS cổ tức	%	3.25	2.42	1.61	2.04

源：Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

元大證券（越南）公司

個人客戶分析部

Nguyễn Th ê Minh

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

個人客戶業務部

Nguyễn Thanh Tùng

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Qu ê

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written